

Bản án số: 183/2024/DS-PT

Ngày: 29 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Huệ

Ông Cao Xuân Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Bà Lê Thị Ven
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 26 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc: “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DSST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2024/QĐ-PT ngày 04/01/2024, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2024/QĐ-PT ngày 15/01/2024, Thông báo về thời gian địa điểm mở phiên tòa số 78/2024/TB-TA ngày 31/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2024/QĐ-TA ngày 13/6/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 117/2024/TB-TA ngày 07/8/2024, quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồng Phóng M, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1952; Địa chỉ: Tổ B, khu phố H, TT. L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Ông M vắng mặt, bà H có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt).

- Bà Hồng Thị Mỹ L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt).

- Ông Phan Hữu N, sinh năm 1964; Địa chỉ: CHD C C/c khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943 (chết năm 2022); Nơi cư trú cuối cùng: Tổ B, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1946. (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1970. (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1972. (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thanh H4, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hoàng H5, sinh năm 1985. (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hoàng H6, sinh năm 1988. (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Phúc H7, sinh năm 1990. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ B, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Bà Nguyễn Hồng H8, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ C, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1, ông H2, ông H3, ông H4, bà H8, ông H5, ông H6, ông H7: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ B, khu phố H, TT . L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H trình bày: Ông Hồng Phóng M và ông Nguyễn Văn T là con rể của ông Nguyễn Văn Đ (cha ruột của bà Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị N1). Vào khoảng cuối năm 1972, vợ chồng ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H có khai khẩn được phần đất diện tích đất 321,8m² thửa số 15, tờ bản đồ số 127, và phần đất diện tích khoảng 5076,3m² thửa số 10, tờ bản đồ số 186 (cũ là thửa số 12, tờ bản đồ số 25) thị trấn L, huyện L theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 20/3/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Vợ chồng ông M làm rẫy trồng cây ăn trái (xoài, mít, măng cầu, điều và hoa màu). Ngày 08/7/1974 Ủy ban hành chính xã L, tỉnh Phước Tuy (nay là thị trấn L, huyện L) có Giấy báo nộp thuế điền thổ với số tiền đóng thuế là 1.940 đồng đối với đất trung khẩn 0h,62s,00TV (hiện nay là thửa số 15 tờ bản đồ số 27 và thửa số 10, tờ bản đồ số 186 thị trấn L), ông M đã nộp đủ. Năm 1974 ông M cùng với ông Nguyễn Văn Đ đều được Ban Đặc nhượng tổng nha Ty Điện Địa Phước Tuy mời làm việc vào ngày 23/5/1974 về hồ sơ trung khẩn đối với diện tích đất của ông M là 0h,62s,00TV và diện tích đất của ông Đ là 02ha40 cùng tọa lạc tại xã L, quận L

(nay là thị trấn L, huyện L). Sau giải phóng vợ chồng ông M vẫn canh tác trên mảnh đất này, ngày 30/12/1986 UBND thị trấn L có ra giấy báo nộp thuế với số tiền nộp là 500 đồng.

Năm 1998 ông M thực hiện thủ tục để được cấp “sổ đỏ” thì UBND thị trấn L nói ông Nguyễn Văn T tranh chấp nên không cấp “sổ đỏ” cho ông M.

Trong quá trình khai phá thửa đất số 15, tờ bản đồ số 127, và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 186 là cùng một thửa đất, đến năm 1992 có dự án mở hành lang an toàn tuyến khí nên phân chia thành 02 thửa đất như hiện nay. Nhà nước đã bồi thường 03 lần phần đất bị thu hồi, lần đầu vào năm 1986, ông M nhận 2.000.000 đồng; lần 2 không nhớ năm, lần 3 vào năm 2003 nhà nước giữ lại do có tranh chấp giữa ông M và ông T, các giấy tờ về bồi thường ông M không còn giữ do thời gian đã lâu, sau khi thu hồi diện tích còn lại bao nhiêu cụ thể thì ông M không nhớ.

Từ năm 1972 đến năm 1998, ông M canh tác trồng cây ăn trái liên tục. Trong thời gian ông M làm Phó Ban an ninh ở ấp từ năm 1975 đến khoảng năm 1991, 1993 thì vẫn thường xuyên ra vào thăm đất chứ không bỏ hoang đồng thời nói với ông T khi nào nhà nước đo đạc cấp sổ thì nói với ông M, nhưng khi được đo đạc kê khai thì ông T không nói ông M mà đã kê khai thành tên bà N1 và ông T. Sau này ông T gây khó khăn ngăn cản không cho vào đất thì ông M không vào canh tác được nữa. Trên đất tranh chấp có 01 ngôi mộ của cha ông Mênh. Năm 2000 con gái ông M là chị Hồng Thị Mỹ L vào thửa đất số 15 cất nhà ở (nhà vách lá, mái tole, nền đất), sau đó căn nhà bị bão làm hư hỏng đồng thời gia đình ông T vào ban đêm bấn giàn lá lên mái nhà nên chị L không dám ở nữa.

Tháng 5/2005 ông M đi nước ngoài việc gia đình và về nước vào tháng 11/2006.

Đất tranh chấp hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay, ông T là bị đơn đã chết. Ông M, bà H yêu cầu những người kế thừa tổ tụng của ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông M và bà H quyền sử dụng đất thửa đất số 15, tờ bản đồ số 127, diện tích 321,8m² và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 186 (cũ là thửa số 12 tờ bản đồ số 25), diện tích khoảng 5076.3m² tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ngày 16/02/2022 ông Nguyễn Văn T chết.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Thanh H2, ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Hoàng H5, ông Nguyễn Hoàng H6, ông Nguyễn Phúc H7, bà Nguyễn Hồng H8 do người đại diện là ông Nguyễn Thanh H1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và ông Hồng Phóng M là con rể của ông Nguyễn Văn Đặng . Ông T chết ngày 16/02/2022, cha mẹ ruột của ông T là ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1915 và bà Lương Thị C, sinh năm 1920, đều đã chết khi mới giải phóng. Vợ ông T là bà Nguyễn Thị N1; ông T có 08 người con ruột gồm: Anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Thanh H2, anh Nguyễn Thanh H3, anh Nguyễn

Thanh H4, chị Nguyễn Hồng H8, anh Nguyễn Hoàng H5, anh Nguyễn Hoàng H6, anh Nguyễn Phúc H7. Ông T không có cha mẹ nuôi, con nuôi.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Vào năm 1972 ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T và thuê thêm một người nữa khai phá đất để canh tác. Sau khi khai phá xong, ông Đ b một phần và chia đất làm 03 phần, 01 phần của ông Đ, 01 phần cho ông T và 01 phần cho ông M (phần đang tranh chấp hiện nay), thời điểm này ông M ở Chợ L về không có việc làm. Trong khu vực khai phá thời điểm này không có nước nên mùa mưa ông T làm rẫy, mùa nắng thì đi làm biển. Từ năm 1972 đến năm 1976, ông T trồng khoai mì, khoai lang để chống đói, chỉ có thửa đất của ông Đ t một ít cây ăn trái để gia đình ăn.

Đến khoảng năm 1980, ông M bỏ hoang đất không sử dụng, đến năm 1983 ông M kêu anh Nguyễn Thanh H1 (con ông T) làm, nhưng đến năm 1986 thì anh H1 mới trực tiếp canh tác, trồng cây ăn trái.

Năm 1990, ông M nói gia đình bảo lãnh đi nước ngoài nên ủy quyền cho con ông T là anh Nguyễn Thanh H1 đứng tên, đồng thời đưa cho ông M 200.000 đồng để đóng thuế đất sang tên chủ quyền, diện tích theo ông M nói lúc đó là 6.000m², đóng thuế mỗi mét 25 đồng, đất loại 5 rẫy núi.

Năm 1991 ông M làm giấy đưa cho anh H1 ký tên ủy quyền đất và tuyên bố từ nay đất của ông H1, ông M hết trách nhiệm, anh H1 mang giấy tờ về đưa cho em ruột là Nguyễn Than H9 cất giữ. Năm 1992, ông M vào nhà ông T nói con ông T lấy giấy để đi đóng thuế đất, từ đó đến nay ông M không đưa lại cho anh H1. Từ năm 1986 đến nay gia đình ông T trực tiếp canh tác phần đất này và đóng thuế đầy đủ hàng năm cho đến năm 2003 thì được miễn thuế đất nông nghiệp, đồng thời đã được bà Nguyễn Thị N1 đăng ký trong hồ sơ địa chính của UBND thị trấn L.

Năm 1988 khi nhà nước bồi thường đất để làm hành lang ống dẫn khí thì ông T mới làm giấy ủy quyền cho ông M ra nhận tiền đền bù vì ông M đang cần tiền đi nước ngoài, ông T cho ông M khoản tiền này với điều kiện từ nay về sau không liên quan đến phần đất này nữa.

Từ năm 1986 gia đình ông T canh tác trực tiếp liên tục cho đến nay trên các thửa đất số 15, tờ bản đồ số 127 và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 186 (cũ là thửa số 12 tờ bản đồ số 25) cùng thuộc thị trấn L, huyện L và đóng thuế hàng năm, đến năm 2003 thì không đóng nữa do đất nông nghiệp được miễn thuế.

Về sơ đồ vị trí thửa đất, định giá, giám định, xem xét thẩm định tại chỗ anh H1 không có ý kiến.

Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H về việc yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Thanh H2, anh Nguyễn Thanh H3, anh Nguyễn Thanh H4, chị Nguyễn Hồng H8, anh Nguyễn Hoàng H5, anh Nguyễn Hoàng H6 và anh Nguyễn Phúc H7 trả lại quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ

số 127, diện tích 321,8m² và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 186 (cũ là thửa số 12 tờ bản đồ số 25), diện tích khoảng 5076.3m² cùng thuộc thị trấn L, huyện L.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 05/9/2023, ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, bà H, buộc ông Nguyễn Văn T (đã chết) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T trả lại diện tích đất 321m², thửa đất 15, tờ bản đồ số 126 và 5076.3m² thửa 10 (cũ 12) tờ bản đồ số 186.

- Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm. Chừa phần mộ và lối đi vào mộ cho gia đình bị đơn, phần đất còn lại buộc phía bị đơn trả lại cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Hồng Phóng M, bà Nguyễn Hồng H.

Các đương sự xác nhận đất tranh chấp theo sơ đồ vị trí ngày 20/3/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L là thửa số 15, tờ bản đồ số 127 và thửa số 10, tờ bản đồ số 186 (cũ là thửa số 12 tờ bản đồ số 25), thị trấn L, huyện L; Theo mảnh trích đo địa chính ngày 13/3/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L đất tranh chấp thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 127 diện tích 306,9m² và thửa số 10, tờ bản đồ số 185, diện tích 5.294,1m², thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (thửa 10 tờ bản đồ số 185 và thửa 10 tờ bản đồ số 186 là một thửa).

Trước đây các thửa đất tranh chấp nêu trên là cùng một thửa số 10, tờ bản đồ số 185, đến năm 1992 Nhà nước mở tuyến đường ống dẫn khí do đó phân thành 02 thửa đất như hiện nay. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo ông M thì nguồn gốc đất do vợ chồng ông M khai hoang trưng khẩn 02 thửa đất nêu trên. Còn theo ông T thì do ông Nguyễn Văn Đ, ông T và thuê thêm một người khác khai phá sau đó ông Đ cho ông M, đến năm 1986 ông M cho gia đình ông T sử dụng.

Chứng cứ ông M cung cấp là “Giấy báo nộp thuế điền thổ” ngày 08/7/1974 của Ủy ban hành chính xã L, tỉnh Phước Tuy; “Biên nhận đơn xin đặc nhượng đất” ngày 18/01/1974 của T1 điền địa Phước Tuy, xã L, tỉnh Phước Tuy; “Biên lai thuế ruộng vườn” số 108 ngày 19/7/1974 của Ủy ban hành chính xã L; “Giấy mời”

ngày 15/5/1974 về việc tham dự phiên họp cứu xét hồ sơ trưng khẩn của ông M. Các tài liệu này thuộc chế độ cũ, chỉ thể hiện ký hiệu diện tích, không thể hiện vị trí đất; địa phương xác nhận các loại giấy tờ ông Hồng Phóng M cung cấp: Biên lai thu thuế nhà đất từ năm 1999 hiện không còn lưu trữ hồ sơ thuế tại địa phương, giấy báo nộp thuế điền thổ, biên lai thuế ruộng vườn thuộc chế độ cũ. Địa phương không xác định được các vị trí ông Hồng Phóng M đã nộp thuế. Do đó không có cơ sở xác định có đúng với sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ ngày 20/3/2017.

Ngoài ra nguyên đơn cung cấp “Lược đồ vị trí phân đất công sản tư dụng quốc gia ngày 15/01/1974” là bản phác họa, chỉ có chữ ký người xin khẩn, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không có căn cứ pháp lý.

Ngoài các chứng cứ này thì ông M không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện ông M sử dụng đất liên tục. Theo kết quả xác minh trong vụ án thể hiện nguồn gốc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 127, và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 185, thị trấn L do ông Nguyễn Văn Đ khai phá và cho ông M tiếp tục khai phá sử dụng, đến năm 1985 ông M làm thủ tục đi nước ngoài để lại phần đất này cho con của ông T canh tác, đến năm 2002 thì xảy ra tranh chấp.

Theo hồ sơ địa chính địa chính và ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thể hiện: Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 185, thị trấn L được đăng ký cho ông Nguyễn Văn T trong sổ mục kê đất đai được ký duyệt năm 2016. Qua đối chiếu hồ sơ địa chính thì thửa đất trên thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 25 T cho bà Nguyễn Thị N1 trong Sổ mục kê đất đai được ký duyệt năm 1997 và năm 2006; Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 127, thị trấn L, hiện trong sổ mục kê đất đai được ký duyệt năm 2006 thì chưa được đăng ký cho cá nhân nào.

Hiện nay thửa đất số 10, tờ bản đồ số 185 do gia đình ông T sử dụng trồng cây ăn trái, cây cảnh; thửa 15, tờ bản đồ 127 là đất trồng do gia đình ông Thanh quản l sử dụng. Theo hiện trạng sử dụng đất thì gia đình ông T sử dụng đất liên tục, ổn định từ năm 1986 đến nay và có kê khai và nộp thuế sử dụng đất. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H.

Ông M trình bày trên đất tranh chấp thuộc thửa 10 có 01 ngôi mộ của cha ông Mênh. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì trên đất tranh chấp có phần mộ của ông Nguyễn Văn T và phần mộ của anh Nguyễn Hoàng H10 là con ông T, ngoài ra không còn phần mộ nào khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cho rằng phần mộ cha ông M đã bị gia đình ông T phá hủy nên không còn. Do vậy không có căn cứ để xem xét.

Từ nhận định trên. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án cấp sơ thẩm là 3.000.000 đồng, ông M đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của ông M không được chấp nhận nên ông M phải chịu.

[3] Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án cấp phúc thẩm là 10.000.000 đồng: Ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H phải chịu và đã nộp xong.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H không được chấp nhận nên ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H phải chịu 300.000 đồng nhưng được miễn do là người cao tuổi.

[4.2] Bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Thanh H2, ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Hoàng H5, ông Nguyễn Hoàng H6, ông Nguyễn Phúc H7, bà Nguyễn Hồng H8 không phải chịu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H phải chịu nhưng được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, như sau:

Căn cứ các Điều 157, 165, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 101, Khoản 4 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H về việc yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Thanh H2, anh Nguyễn Thanh H3, anh Nguyễn Thanh H4, chị Nguyễn Hồng H8, anh Nguyễn Hoàng H5, anh Nguyễn Hoàng H6 và anh Nguyễn Phúc H7 trả lại quyền sử dụng đất thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 127, diện tích 306,9m² và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 185 (cũ là thửa số 12 tờ bản đồ số 25), diện tích 5294,1m², thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Thể hiện theo mảnh trích đo địa chính ngày 13/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

2. Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án cấp sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Ông Hồng Phóng M phải chịu. Đã nộp xong.

3. Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án cấp phúc thẩm là 10.000.000 đồng: Ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H phải chịu. Đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H phải chịu 300.000 đồng nhưng được miễn do là người cao tuổi. Hoàn trả cho ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H tiền tạm ứng án phí là 14.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002796 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồng Phóng M và bà Nguyễn Hồng H phải chịu nhưng được miễn do là người cao tuổi.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H.Long Điền;
- Chi cục THADS H.Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tâm